

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BA  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21 /2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 17 tháng 6 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Lệ Thanh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Vương Thị Thu**;

2. Ông **Hà Ngọc Lĩnh**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba:* Ông **Lưu Thanh Liêm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991 (*có mặt*)

Địa chỉ: Khu 4 xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn H**, sinh năm 1981 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu 4 xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Chị kết hôn với anh Bùi Văn H năm 13/10/2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị đi làm ăn xa nhà. Tình cảm vợ chồng sau khi cưới hòa thuận. Sau khi sinh cháu thứ hai, vợ chồng chị chuyển về sống cùng bố mẹ chị tại khu 4 xã H, nhưng đến năm 2018 mới nhập hộ khẩu về xã H. Từ khoảng năm 2013 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, anh H không còn quan tâm đến vợ con, suốt ngày rượu chè rồi về đánh chị. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã nhiều lần được gia đình chị

hòa giải, nhưng anh H không thay đổi. Từ ngày 25/9/2020 chị và anh H đã sống ly thân. Anh H thường bỏ nhà đi, nói là đi làm ăn nhưng không cho biết đi đâu, làm gì. Anh H cứ đi một thời gian rồi về, nhưng không ở nhà được lâu vì vợ chồng chị lại cãi nhau. Nay nhận thấy đã hết tình cảm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 2 con chung là Bùi Nhật Minh sinh ngày 29/8/2010 và Bùi Thu P sinh ngày 21/3/2013. Hiện nay hai cháu sống cùng chị. Khi ly hôn, chị mong muốn được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Vợ chồng chị không có tài sản chung, không nợ chung, không có đất nông nghiệp, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và tại giai đoạn hòa giải, chuẩn bị xét xử:** Tòa án đã tiến hành gửi giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án. Anh Bùi Văn H không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng anh H không có mặt nên không trình bày, viết bản tự khai, không công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Lê Văn Đ - Trưởng khu dân cư số 4 xã H cho biết: Anh Bùi Văn H và chị Nguyễn Thị H sống tại khu 4 xã H, tại nhà của bố mẹ đẻ chị H. Anh H thường bỏ đi làm ăn, ít khi có mặt ở địa phương. Các văn bản tố tụng của Tòa án ông chỉ giao được cho chị H, không giao được cho anh H. Theo gia đình chị H báo cáo anh H đi làm ăn lâu lâu mới về một lần. Bản thân ông cũng thấy anh H thỉnh thoảng có mặt tại địa phương, nhưng chỉ ở nhà một vài hôm rồi lại đi. Qua nắm bắt dư luận trong khu thì biết chị H, anh H mâu thuẫn vì anh H không quan tâm đến vợ con, vợ chồng hay cãi, đánh nhau.

Ông Nguyễn Văn T - Công an viên khu 4 xã H cho biết: Tại Sổ đăng ký thường trú khu 4 xã H, tờ số 187, quyển số 02, chủ hộ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 và các nhân khẩu gồm: Bùi Văn H, sinh năm 1981 (chồng chị H), Bùi Nhật M, sinh năm 2010, Bùi Thu P, sinh năm 2013 (các con chị H). Trước đó ngày 19/01/2018, anh H nhập hộ khẩu vào nhà ông Nguyễn Văn P (bố chị H). Sau khi chị H làm nhà mới tách riêng gia đình chị H ra khỏi hộ ông P và chị H là chủ hộ. Từ khi nhập hộ khẩu về khu 4 xã H năm 2018, anh H không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Theo nắm bắt tình hình trong khu dân cư, anh H đi làm ăn thỉnh thoảng về qua nhà nhưng chỉ ở nhà trong thời gian ngắn. Hiện tại anh H vẫn có hộ khẩu tại khu 4 xã H và chưa làm thủ tục chuyển khẩu đi đâu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba có quan điểm: Việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử từ khi nhận đơn, thụ lý, thông báo hòa giải, đưa vụ án ra xét xử hoàn toàn đúng pháp luật. Việc tuân thủ quy định

của pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật. Việc tuân thủ quy định của pháp luật của bị đơn là chưa đúng pháp luật. Quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX : Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H. Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Các vấn đề khác không đặt ra giải quyết do anh H vắng mặt. Chị H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn trong vụ án là anh Bùi Văn H đã được Tòa án triệu tập, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Huy vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn H là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật. Bởi lẽ, chị H, anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của Pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng chị H và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H là do anh H hay rượu chè, không quan tâm đến vợ con và hay đánh chị. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã nhiều lần được gia đình chị hòa giải, nhưng anh H không thay đổi. Từ ngày 25/9/2020 vợ chồng chị sống ly thân, anh H hay bỏ đi nói là đi làm ăn nhưng không cho biết đi đâu, làm gì. Anh H không có lời khai trình bày, vắng mặt không tham gia tại các buổi hòa giải và tại phiên xét xử. Qua xác minh, chính quyền địa phương cũng khẳng định vợ chồng chị H, anh Huy có mâu thuẫn do anh H không quan tâm đến vợ con, vợ chồng hay cãi, đánh nhau. Anh H đi làm ăn thỉnh thoảng về qua nhà nhưng thời gian ở nhà ngắn. Hiện tại anh H vẫn có hộ khẩu tại khu 4 xã H và chưa làm thủ tục chuyển khẩu đi đâu. Suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ anh H cũng không mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này. Từ những căn cứ trên khẳng định quan hệ vợ chồng chị H, anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[3] Về con chung:** Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Văn H có hai con chung là Bùi Nhật M sinh ngày 29/8/2010 và Bùi Thu P sinh ngày 21/3/2013. Hiện nay hai cháu sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh H không có mặt nên không có quan điểm về con chung. Nguyên vọng xin nuôi con của chị H là chính đáng. Cháu

M và cháu P có quan điểm khi bố mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, phù hợp với điều kiện, nguyện vọng của con chung, HĐXX nghĩ nên giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất ruộng:** Chị Nguyễn Thị H khai vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung, không có đất nông nghiệp, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do anh Bùi Văn H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu.

**[5] Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, điều 81.82.83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* **Xử:** Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H.

\* **Về con chung:** Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Bùi Nhật M sinh ngày 29/8/2010 và Bùi Thu P sinh ngày 21/3/2013. Hiện nay hai cháu sống cùng chị H. Anh Bùi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu. Sau khi ly hôn, hai bên có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

\* **Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất ruộng:** Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác, khi đương sự có yêu cầu.

\* **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2020/0001570 ngày 03/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- *Chi cục THADS;*
- *Lưu AV,HSV A.*

**Trần Thị Lệ Thanh**